

Số: 91/2025/QĐ-UBND

Bắc Ninh, ngày 08 tháng 12 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính số 56/2024/QH15;

Căn cứ Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15;

Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 78/2002/NĐ-CP của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội;

Căn cứ Quyết định số 30/2015/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý tài chính đối với Ngân hàng Chính sách xã hội ban hành kèm theo Quyết định số 180/2002/QĐ-TTg ngày 19 tháng 12 năm 2002 của Thủ tướng Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số 11/2017/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Căn cứ Thông tư số 84/2025/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính Sửa đổi, bổ sung một số Điều của Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 ngày 02 năm 2017 của Bộ Tài chính Quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 269/TTr-STC ngày 07 tháng 11 năm 2025.

Ủy ban nhân dân Quyết định Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 20 tháng 12 năm 2025. Bãi bỏ các Quyết định số 17/2017/QĐ-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng chính sách để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn Bắc Ninh và Quyết định số 45/2024/QĐ-UBND ngày 20 tháng 12 năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh ban hành kèm theo Quyết định số 17/2017/QĐ-UBND ngày 24 tháng 7 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, cơ quan: Tài chính, Nội vụ, Dân tộc và Tôn giáo, Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Giáo dục và Đào tạo; Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh, các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh; Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Vụ pháp luật - Văn phòng Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Cục KTVB và QLXLVPHC - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các cơ quan thuộc Tỉnh ủy;
- VP Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- TT HĐND, UBND các xã, phường;
- Văn phòng UBND tỉnh: LĐVP, KTN, THĐT, KTTH, TTTT tỉnh (đăng công báo);
- Lưu: VT, KTTH.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Ngô Tân Phụng

QUY CHẾ

Quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác
qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh để cho vay đối với người
nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 91/2025/QĐ-UBND)

Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương (ngân sách cấp tỉnh) ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội (sau đây viết tắt là Chi nhánh NHCSXH) tỉnh để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Bắc Ninh.

2. Đối tượng áp dụng

Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân khác có liên quan đến việc quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác.

Điều 2. Tạo lập nguồn vốn

Thực hiện theo quy định tại Điều 3 Thông tư số 11/2017/TT-BTC Quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác, được sửa đổi, bổ sung bởi Khoản 1 Điều 1 Thông tư số 84/2025/TT-BTC.

Chương II CÁC QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 3. Ký hợp đồng ủy thác với Chi nhánh Ngân hàng chính sách xã hội tỉnh

1. Ủy ban nhân dân tỉnh giao Sở Tài chính ký hợp đồng ủy thác với Chi nhánh NHCSXH tỉnh.

2. Chi nhánh NHCSXH tỉnh nơi nhận ủy thác chủ trì phối hợp với Sở Tài chính lập và ký hợp đồng ủy thác.

3. Nguyên tắc ủy thác, hợp đồng ủy thác, quyền và nghĩa vụ của bên ủy thác và bên nhận ủy thác để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh từ nguồn vốn ủy thác ngân sách địa phương: thực hiện theo văn bản hướng dẫn của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam quy định về ủy thác và nhận ủy thác của tổ chức tín dụng.

Điều 4. Đối tượng cho vay

1. Người nghèo và các đối tượng chính sách khác tương ứng với từng chương trình tín dụng theo quy định hiện hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ được vay từ nguồn vốn ủy thác của ngân sách địa phương qua Ngân hàng chính sách xã hội.

2. Các đối tượng chính sách khác tại địa phương (ngoài đối tượng quy định tại khoản 1 Điều này) do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định (nếu có).

Điều 5. Lập dự toán và quy trình chuyển nguồn vốn ngân sách địa phương hàng năm bố trí để bổ sung nguồn vốn cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác

1. Lập dự toán: Căn cứ mục tiêu về giảm nghèo, tạo việc làm, các chương trình, Đề án cho vay các đối tượng chính sách được tỉnh phê duyệt và khả năng cân đối ngân sách địa phương. Hàng năm, vào cùng với thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính số 56/2024/QH15, Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15 và các văn bản quy định liên quan: Chi nhánh NHCSXH tỉnh rà soát, báo cáo tình hình thực tế cho vay 06 tháng đầu năm và dự kiến cả năm, số vốn thu hồi dự kiến trong năm tiếp theo, đề xuất nguồn vốn cần bổ sung năm tiếp theo/giai đoạn tiếp theo (chi tiết theo từng đối tượng tại Điều 4, Quy chế này) gửi Sở Tài chính; Sở Tài chính tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh bố trí nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh ủy thác qua Chi nhánh NHCSXH tỉnh theo khả năng cân đối ngân sách địa phương theo quy định.

2. Quy trình chuyển nguồn vốn ngân sách địa phương hàng năm theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước số 83/2015/QH13, được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 56/2024/QH15 và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật; hình thức cấp phát bằng lệnh chi tiền; hạch toán chi ngân sách nhà nước theo Mục lục ngân sách nhà nước hiện hành.

Điều 6. Điều kiện được vay vốn, mục đích sử dụng vốn vay

Điều kiện được vay vốn, mục đích sử dụng vốn vay thực hiện theo quy định hiện hành của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ và hướng dẫn của Tổng

Giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội đối với từng chương trình cho vay, đối tượng cho vay cụ thể.

Điều 7. Mức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay

Chi nhánh NHCSXH tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định trên cơ sở các quy định hiện hành của Ngân hàng chính sách xã hội và phù hợp với thực tế tại địa phương.

Điều 8. Quy trình, thủ tục cho vay, bảo đảm tiền vay

Quy trình, thủ tục cho vay, điều kiện đảm bảo tiền vay, lập hồ sơ vay vốn, thẩm định, phê duyệt hồ sơ vay vốn, thu hồi và sử dụng vốn vay: Thực hiện theo quy định hiện hành của Thủ tướng Chính phủ và các văn bản về hướng dẫn nghiệp vụ cho vay theo từng thời kỳ, từng chương trình cho vay của các Bộ, ngành liên quan, của Ngân hàng Chính sách xã hội và được quy định cụ thể trong hợp đồng ủy thác của tỉnh.

Điều 9. Gia hạn nợ, chuyển nợ quá hạn

Thực hiện theo quy định tại khoản 6 Điều 5 Thông tư số 11/2017/TT-BTC và các văn bản hướng dẫn hiện hành.

Điều 10. Quản lý và sử dụng tiền lãi cho vay

Chi nhánh NHCSXH tỉnh quản lý và hạch toán số tiền lãi thu được từ hoạt động cho vay bằng nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh vào thu nhập của Chi nhánh NHCSXH tỉnh và quản lý, sử dụng theo nguyên tắc thứ tự ưu tiên sau:

1. Trích lập rủi ro tín dụng chung theo quy định tại Quy chế quản lý tài chính của Ngân hàng chính sách xã hội và các văn bản hướng dẫn của Bộ Tài chính. Trường hợp tại thời điểm trích lập dự phòng rủi ro tín dụng, tỷ lệ nợ quá hạn và nợ khoanh thấp hơn 0,75% thì Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng bằng 0,75% tính trên số dư nợ cho vay (không bao gồm nợ quá hạn và nợ khoanh);

2. Trích phí quản lý nguồn vốn ủy thác cho Chi nhánh NHCSXH tỉnh theo dư nợ cho vay bình quân. Mức phí quản lý tối thiểu bằng mức phí quản lý Thủ tướng Chính phủ giao cho Ngân hàng chính sách xã hội trong từng thời kỳ. Trường hợp lãi thu được sau khi trích quỹ dự phòng rủi ro tín dụng chung không đủ trích phí quản lý cho Chi nhánh NHCSXH tỉnh theo quy định, ngân sách cấp tỉnh cấp bù phần còn thiếu cho Chi nhánh NHCSXH tỉnh.

3. Trích 10% số tiền lãi thu được để chi cho công tác chỉ đạo, quản lý, tổng hợp, kiểm tra, giám sát, khen thưởng của Ban đại diện Hội đồng quản trị Chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh, các Sở, ngành, đơn vị liên quan đến hoạt động cho vay bằng nguồn vốn Chi nhánh NHCSXH tỉnh nhận ủy thác từ ngân sách cấp tỉnh. Chi nhánh NHCSXH tỉnh căn cứ số kinh phí được trích lập, xây dựng kế hoạch sử dụng hàng năm theo các nội dung chi trình Trưởng Ban đại diện Hội đồng quản trị phê duyệt để triển khai thực hiện. Số còn lại nếu không sử dụng hết được bổ sung vào nguồn vốn cho vay các đối tượng theo quy định.

4. Phần còn lại (nếu có) được bổ sung vào nguồn vốn cho vay và được thực hiện vào quý I của năm liền kề.

Điều 11. Xử lý nợ bị rủi ro

1. Đối với các khoản nợ bị rủi ro do nguyên nhân khách quan: Đối tượng được xem xét xử lý rủi ro, nguyên nhân khách quan làm thiệt hại trực tiếp đến vốn và tài sản của khách hàng, biện pháp xử lý, hồ sơ pháp lý để xem xét xử lý nợ bị rủi ro được áp dụng theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng chính sách xã hội và các quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh về xử lý nợ bị rủi ro thuộc nguồn vốn ủy thác địa phương (nếu có).

Đối với các khoản nợ bị rủi ro ngoài phạm vi đối tượng và nguyên nhân khách quan được xem xét xử lý rủi ro theo quy định của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng chính sách xã hội do Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định.

2. Thẩm quyền xem xét xử lý nợ bị rủi ro do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

3. Nguồn vốn để xử lý nợ bị rủi ro được lấy từ Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng đã được Chi nhánh NHCSXH tỉnh trích lập đối với cho vay người nghèo và các đối tượng chính sách khác từ nguồn ngân sách địa phương.

4. Trường hợp quỹ dự phòng rủi ro tín dụng không đủ bù đắp, tùy theo tình hình thực tế khoản vay bị rủi ro, Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các Sở, ngành có liên quan và Chi nhánh NHCSXH tỉnh báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh bổ sung ngân sách cấp tỉnh để xử lý hoặc giảm trực tiếp vào nguồn vốn ủy thác của ngân sách cấp tỉnh chuyển qua Chi nhánh NHCSXH cấp tỉnh.

5. Trường hợp Quỹ dự phòng rủi ro tín dụng sau khi được sử dụng để xử lý xóa nợ bị rủi ro lớn hơn số dư Quỹ dự phòng rủi ro tối đa, được bổ sung vào nguồn vốn ủy thác để cho vay theo quy định.

Điều 12. Chế độ báo cáo

Định kỳ trước ngày 15/7 năm thực hiện (đối với báo cáo 6 tháng), trước ngày 15/01 năm sau (đối với báo cáo hằng năm) hoặc theo yêu cầu đột xuất, Chi nhánh NHCSXH tỉnh báo cáo tổng nguồn vốn, kết quả cho vay từ nguồn vốn ủy thác gửi Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Tài chính.

Điều 13. Hạch toán, theo dõi cho vay, chế độ báo cáo quyết toán

Việc ghi chép, hạch toán kế toán đối với nguồn vốn ủy thác và dư nợ cho vay được theo dõi, hạch toán vào tài khoản kế toán riêng theo các văn bản hướng dẫn của Tổng Giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội.

Chương III TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

1. Sở Tài chính

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu, báo cáo, đề xuất với Ủy ban nhân dân tỉnh:

a) Bố trí nguồn vốn đầu tư công trung hạn và hàng năm của ngân sách cấp tỉnh ủy thác cho Chi nhánh NHCSXH tỉnh, đảm bảo chuyển vốn đầy đủ, kịp thời cho Chi nhánh NHCSXH tỉnh để cho vay hộ nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn và thực hiện kiểm tra kết quả tạo lập, quản lý và sử dụng nguồn vốn ủy thác tại Chi nhánh NHCSXH tỉnh;

b) Căn cứ Quy chế cho vay này và vốn ủy thác đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt để ký hợp đồng ủy thác với Chi nhánh NHCSXH tỉnh theo quy định tại khoản 1 Điều 3 Quy chế này.

c) Kiểm tra việc phân phối, sử dụng lãi cho vay thu được từ nguồn vốn ủy thác cho Chi nhánh NHCSXH tỉnh.

2. Chi nhánh NHCSXH tỉnh

a) Tiếp nhận, quản lý và sử dụng vốn ngân sách địa phương chuyển sang Chi nhánh NHCSXH tỉnh theo đúng quy định của pháp luật và các quy định tại Quy chế này.

b) Hướng dẫn nghiệp vụ; thẩm định hồ sơ vay vốn và trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định từng chương trình cho vay.

c) Phối hợp với các cơ quan liên quan kiểm tra vốn vay, xử lý nợ theo quy định.

d) Lập hồ sơ xử lý nợ bị rủi ro trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

đ) Hạch toán kế toán đối với nguồn vốn và dư nợ từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua NHCSXH theo quy định.

e) Định kỳ hàng năm báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh đồng gửi Sở Tài chính về kết quả tạo lập, quản lý, sử dụng nguồn vốn từ ngân sách cấp tỉnh chuyển qua NHCSXH trước ngày 15/01 của năm sau.

g) Báo cáo việc phân phối, sử dụng lãi cho vay thu được từ nguồn vốn ngân sách cấp tỉnh ủy thác gửi Sở Tài chính để kiểm tra báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

3. Các tổ chức chính trị - xã hội nhận ủy thác

a) Tuyên truyền, vận động và hướng dẫn thành lập Tổ tiết kiệm và vay vốn để thực hiện ủy thác cho vay.

b) Tổ chức kiểm tra, giám sát, quản lý hoạt động tín dụng theo quy định.

4. Ủy ban nhân dân xã, phường

a) Chịu trách nhiệm xác nhận đối tượng vay vốn theo từng chương trình cho vay theo Quy chế này.

b) Phối hợp với Chi nhánh NHCSXH, tổ chức chính trị - xã hội, các cơ quan, đơn vị có liên quan kiểm tra việc sử dụng vốn vay, đơn đốc thu hồi nợ đến hạn, nợ quá hạn, trả lãi; kiểm tra, phúc tra hộ vay vốn bị rủi ro trên địa bàn.

c) Phối hợp với NHCSXH nơi cho vay và các cơ quan liên quan xử lý các trường hợp nợ chây ỳ, nợ quá hạn, lãi tồn đọng cao, hướng dẫn hộ vay lập hồ sơ đề nghị xử lý nợ rủi ro do nguyên nhân khách quan; thành lập, tham gia Tổ đơn đốc thu hồi nợ khó đòi.

Điều 15. Điều khoản thi hành

Trong quá trình triển khai thực hiện Quy định này, nếu có vướng mắc đề nghị các cơ quan, đơn vị phản ánh về Sở Tài chính, Chi nhánh NHCSXH tỉnh để nghiên cứu, giải quyết./.